

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Bào

2, Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2023/QĐXXST-DS ngày 20/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/QĐST-DS ngày 05/01/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị V- Sinh năm 1951 (Có mặt)

Cư trú: thôn Mai Th, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Th- Sinh năm 1980 (Có mặt)

Chị Trương Kim L- Sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú đều ở: thôn Mai Th, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn P- Sinh năm 1946 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Mai Th, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 08/11/2023 (Tòa án đóng dấu tiếp nhận ngày 08/11/2023), bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai, chứng cứ, hòa giải, bà Vẽ trình bày:*

Bà và anh Đỗ Xuân Th, chị Trương Kim L có mối quan hệ quen biết nhau. Vợ chồng anh Thạc, chị Lạc do cần vốn kinh doanh gỗ có hỏi vay tiền của bà, cụ thể như sau: Ngày 07/7/2019 vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, ngày 25/8/2019 vay của bà số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 13/9/2019 vay của bà số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng cả ba lần vay là số tiền 1.250.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay nợ; thỏa thuận là 10%/năm, thời hạn vay không ghi trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng là khi nào bà đòi thì vợ chồng anh Thạc phải trả. Đến khi bà cần bà đã đòi,

yêu cầu vợ chồng anh Thạc trả tiền nhiều lần nhưng vợ chồng anh Thạc đều không trả được số tiền gốc và số tiền lãi nào. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Thạc trả cho bà số tiền gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm(10/2019 Dương lịch đến ngày xét xử tình tròn 51 tháng = 531.250.000 đồng.

Tại phiên tòa bà đồng ý cho vợ chồng anh Thạc một nửa lãi bà chỉ yêu cầu tiền lãi là 265.625.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.515.625.000 đồng.

Bị đơn là anh Đỗ Xuân Th tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày: Anh và bà Vẻ có mối quan hệ quen biết nhau. Vợ chồng anh có vay tiền của bà Vẻ, cụ thể như sau: Ngày 07/7/2019 vay của bà Vẻ số tiền 150.000.000đồng, ngày 25/8/2019 vay của bà Vẻ số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 13/9/2019 vay của bà Vẻ số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng cả 3 lần vay là số tiền 1.250.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận; chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền do bà Vẻ cung cấp chính là chữ ký của anh và vợ anh. Giấy vay tiền không thể hiện lãi suất và thời hạn vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay khi nào bà Vẻ cần thì vợ chồng anh phải trả lại. Mục đích vợ chồng anh vay tiền là để kinh doanh đồ gỗ. Sau khi vay thì vợ chồng anh chưa trả được số tiền gốc nào, còn tiền lãi đã trả được khoảng 700 triệu đồng. Khi trả lãi thì không có giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến. Nay bà Vẻ yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền gốc 1.250.000.000 đồng thì anh đồng ý nhưng xin được trả dần.

Anh thừa nhận bà Vẻ có đến gia đình anh đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng anh chưa có tiền trả cho bà Vẻ do kinh tế khó khăn.

Về tiền lãi: Bà Vẻ yêu cầu tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm(10/2019 Dương lịch đến ngày xét xử tình tròn 51 tháng = 531.250.000 đồng thì anh đề nghị cho anh xin tiền lãi do kinh tế gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa bà Vẻ đồng ý cho anh một nửa tiền lãi chỉ yêu cầu tiền lãi là 256.625.000 đồng, thì anh đồng ý, nhưng nguyện vọng vẫn xin cả tiền lãi.

Bị đơn là chị Trương Kim L tại biên bản ghi lời khai trình bày:

Vợ chồng chị có mối quan hệ quen biết với bà Vẻ. Vào năm 2019 do thiếu vốn làm ăn nên vợ chồng chị đã vay tiền của bà Vẻ nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 07/7/2019 vay của bà Vẻ số tiền 150.000.000đồng, lãi suất 4%/tháng; ngày 25/8/2019 vay của bà Vẻ số tiền 1.000.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng; ngày 13/9/2019 vay của bà Vẻ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng. Tổng cộng cả 3 lần vay là số tiền 1.250.000.000 đồng. Cả 3 lần vay đều không ghi thời hạn vay và lãi suất. Từ khi vay tiền đến nay vợ chồng chị chưa trả cho bà Vẻ được số tiền gốc và tiền lãi nào.

Nay bà Vê yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc 1.250.000.000 đồng thì chị đồng ý nhưng xin được trả dần.

Về tiền lãi bà Vê yêu cầu thì chị không đồng ý trả.

Do điều kiện công việc chị có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P tại biên bản ghi lời khai trình bày:

Ông Là chồng của bà Đỗ Thị V, ông đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của vợ ông. Ông không bổ sung yêu cầu gì khác.

Do ông tuổi cao, không đi lại được, ông đề nghị Tòa án cho ông xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị đường lối xử lý vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị V.

Buộc Đỗ Xuân Th và chị Trương Kim L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Vê, ông Phụ tổng số tiền là 1.515.625.000 đồng (Trong đó số tiền gốc là 1.250.000.000 đồng và số tiền lãi là 265.625.000 đồng).

Về án phí: Anh Đỗ Xuân Th và chị Trương Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn chị Trương Kim L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có đơn xin vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, được Tòa án chấp nhận. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1]- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Vê yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 1.250.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm, kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Các bên có giao kết bằng văn bản (Giấy biên nhận), ghi rõ số lượng tiền vay, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463- Bộ luật dân sự). Khi có tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.2]- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các giấy vay tiền đều không thỏa thuận với nhau về thời hạn trả, nên xác định hợp đồng vay tiền là không có kỳ hạn.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi số tiền gốc 1.250.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm. HĐXX nhận thấy:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Theo các Giấy vay tiền mà nguyên đơn bà Vẻ cung cấp, thì vợ chồng anh Thạc, chị Lạc có vay tiền của bà Vẻ cụ thể như sau: Ngày 07/7/2019 vay của bà Vẻ số tiền 150.000.000đồng; Ngày 25/8/2019 vay của bà Vẻ số tiền 1.000.000.000đồng; Ngày 13/9/2019 vay của bà Vẻ số tiền 100.000.000đồng. Trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả. Dưới mục người vay tiền có chữ ký xác nhận của anh Thạc, chị Lạc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Anh Thạc, chị Lạc cũng xác nhận chữ ký trong các giấy vay tiền mà bà Vẻ cung cấp chính là chữ ký của anh Thạc; chị Lạc. Anh chị cũng thừa nhận các lần vay tiền cụ thể như trên. Bà Vẻ đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh Thạc, chị Lạc vẫn chưa trả cho bà Vẻ số tiền nào.

Như vậy: Xác định việc anh Thạc; chị Lạc vay tiền của bà Vẻ là có thật, khi làm giấy vay tiền các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối cần xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản không có kì hạn. Vợ chồng anh Thạc, chị Lạc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc bà Vẻ khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 1.250.000.000 triệu đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận theo Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất thì thấy: Trên các giấy vay tiền mà bà Vẻ cung cấp đều không ghi lãi suất; tuy nhiên, cả bà Vẻ và vợ chồng anh Thạc, chị Lạc đều trình bày các bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất nhưng bà Vẻ trình bày mức lãi suất là 10%/năm, anh Thạc thì trình bày mức lãi suất cao, 4%/tháng, chị Lạc thì trình bày có khoản vay lãi suất là 4% tháng, có khoản vay lãi suất là 3% tháng, tuy nhiên anh Thạc và chị Lạc không đưa ra được căn cứ gì chứng minh. Do đó, cần xác định đây là khoản vay có lãi và các bên đang tranh chấp về lãi suất. Anh Thạc trình bày anh

đã trả được bà Vê số tiền lãi là 700.000.000đồng, khi trả lãi thì không viết giấy biên nhận gì cũng không có người chứng kiến, anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình. Chị Lạc lại trình bày chưa trả số tiền lãi nào. Do vậy, anh Thạc trình bày đã trả tiền lãi là không có căn cứ. Nay bà Vê yêu cầu trả tiền tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm(10/2019 Dương lịch đến ngày xét xử tính tròn 51 tháng = 531.250.000 đồng.

Tại phiên tòa bà đồng ý cho vợ chồng anh Thạc một nửa tiền lãi bà chỉ yêu cầu tiền lãi là 265.625.000 đồng. Anh Thạc đồng ý việc bà Vê cho một nửa tiền lãi và nguyện vọng muốn xin cả tiền lãi.

Nên yêu cầu đòi lãi của bà Vê là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Như vậy tổng số tiền nợ cả gốc và lãi vợ chồng anh Thạc phải trả cho vợ chồng bà là: 1.515.625.000 đồng.

[6]- Về án phí:

- Ông Đỗ Xuân Th và chị Trương Thị Lạc phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357; Điều 468; Điều 469; Điều 288 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị V.

Buộc anh Đỗ Xuân Th và chị Trương Kim L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị V, ông Nguyễn Văn P tổng số tiền là 1.515.625.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười năm triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng); Trong đó (tiền nợ gốc là 1.250.000.000 đồng; Số tiền lãi là 265.625.000 đồng).

Về án phí: Anh Đỗ Xuân Th và chị Trương Kim L phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 57.468.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDT. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận

